

90 NĂM LỊCH SỬ VẺ VANG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÊ TỔ ANH*

Ngày nhận: 11/4/2020

Ngày phản biện: 22/4/2020

Ngày duyệt đăng: 20/5/2020

Tóm tắt: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chuẩn bị cho cách mạng Việt Nam liên tiếp giành thắng lợi. Từ khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo thành công cuộc đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ 1986 đến nay. Lịch sử 90 năm vẻ vang của Đảng thật phong phú, đa dạng, với những trang sử oai hùng. Trong phạm vi bài viết, tác giả đưa ra một số nhận xét, đánh giá bước đầu, mang tính chủ quan. Chúng ta cùng ghi nhận và trân trọng những cống hiến của Đảng đối với dân tộc và thời đại, chung tay xây dựng Đảng thật vững mạnh, làm cho Đảng luôn trở thành trụ cột của cách mạng, tiếp tục lãnh đạo dân tộc Việt Nam thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Từ khóa: 90 năm lịch sử Đảng; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

90 - YEAR GLORIOUS HISTORY OF VIETNAM COMMUNIST PARTY

Abstract: The birth of the Communist Party of Vietnam marked a great milestone in Vietnam's revolutionary history, prepared for the succession of Vietnam Revolution. Since its inception, the Party has successfully led the struggle for power in 1930 - 1945, the resistance against the French colonialists in 1945 - 1954, the resistance against the American imperialism in 1954 - 1975, the comprehensive renovation of the country from 1986 to present. The 90 - year glorious history of the Party is plentiful and diverse with the mighty history pages. The author provides some receipts, initial evaluation subjectively. We all recognize and respect the Party's contributions to the nation and era, join hands in building the strong Party, make the Party to always be the pillar of the revolution, continue to leading Vietnam to its aim, is to create "Rich people - strong nation - equitable, democratic and civilized society".

Keywords: 90 year history of Vietnam Communist Party; history of Vietnam Communist Party.

Từ ngày 6/01/1930 đến ngày 07/02/1930 [7, tr.904], tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã diễn ra, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Sự ra đời của Đảng đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Lịch sử của Đảng là những trang sử vẻ vang, oai hùng, gắn liền với thăng trầm trong lịch sử dân tộc. Chúng ta cùng ôn lại những trang sử vẻ vang của Đảng để thấy tự hào khi được sống dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1. Khái quát chính mười năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945

Từ khi Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược (01/09/1945), hàng loạt phong trào yêu nước của nhân dân nổ ra nhưng đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng, tưởng chừng

không có lối thoát. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản [13, tr.30]. Từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận thấy các tổ chức Cộng sản ra đời, rơi vào tình trạng chia rẽ, mất đoàn kết vì tranh giành sự ủng hộ của quần chúng, mùa thu năm 1929, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm chủ động về Quảng Châu, Trung Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản. Hội nghị nhất trí hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành một chính đảng duy nhất, đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thảo luận và thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng,

* Trường Đại học Công đoàn

Chương trình tóm tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng; quyết định phương châm, kế hoạch thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước; ra báo, tạp chí. Đảng ra đời, với Cương lĩnh đúng đắn, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, chuẩn bị cho cách mạng Việt Nam giành thắng lợi.

Ngay sau khi ra đời, Đảng phát động phong trào đấu tranh rộng lớn nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (01/05/1930), thu hút đông đảo lực lượng tham gia. Phong trào phát triển lên thành cao trào, với đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh tháng 09/1930, nhưng bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Đúng lúc này, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất tháng 10/1930 được triệu tập. Sau khi phê phán sai lầm, khuyết điểm của Đảng, Hội nghị đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Luận cương chính trị, bầu Ban Chấp hành Trung ương chính thức, do đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư. Luận cương xác định mâu thuẫn cơ bản trong xã hội là mâu thuẫn giai cấp, coi thổ địa là cốt của cách mạng tư sản dân quyền; chủ trương tập hợp công nhân và nông dân, coi tư sản, địa chủ, tiểu tư sản là đối tượng. Với đường lối đó, từ tháng 11/1930, Đảng tiến hành “trí phú địa hào, đào tận gốc, chốc tận rễ”, đẩy nhiều người yêu nước, đảng viên vào cảnh bị bắt, bị giết, bị tù đầy, cách mạng gặp khó khăn, rơi vào thoái trào từ năm 1932 - 1935.

Qua thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng, Đảng từng bước trưởng thành, nhận thức rõ một số nội dung của Luận cương không phù hợp nên bắt đầu điều chỉnh qua Chương trình hành động tháng 06/1932. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài, cách mạng Việt Nam dần khắc phục được khó khăn, ra khỏi thời kỳ thoái trào. Cơ sở cách mạng trong và ngoài nước dần được lập lại. Ban Lãnh đạo Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập ở Trung Quốc, do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Thư ký. Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 03/1935 tại Ma Cao, Trung Quốc đánh dấu sự phục hồi của tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.

Vượt qua thời kỳ thoái trào 1932 - 1935, cách mạng Việt Nam lại đối mặt với khó khăn mới. Chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh xuất hiện nhiều nơi trên thế giới, đe dọa sự tồn tại của loài người. Ở Việt Nam, thực dân Pháp tăng cường đàn áp, bóc lột làm cho đời sống của nhân dân nghẹt thở. Tháng 09/1940, phát xít Nhật xâm lược Đông Dương, nhân dân chịu cảnh “một cổ đôi tròng”. Vấn đề giải phóng dân tộc trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Các Hội

ngợi Trung ương lần thứ 6 (tháng 11/1939), lần thứ 7 (tháng 11/1940), lần thứ 8 (tháng 5/1941), Đảng chuyển hướng chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Thực hiện sự chuyển hướng đó, Đảng chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Minh; chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Giữa tháng 07/1945, thực lực cách mạng lớn mạnh, việc chuẩn bị thời cơ chín muồi. Khi Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước đồng minh, ngay ngày 13/08/1945, Hội nghị Toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, Tuyên Quang, phát động Tổng Khởi nghĩa giành chính quyền. Trong vòng 2 tuần lễ, cách mạng thành công trên phạm vi cả nước. Ngày 02/09/1945, tại Quảng trường Ba Đình, thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với toàn dân, thế giới, nước Việt Nam đã giành được độc lập, tuyên bố khai sinh ra Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Với 15 năm tuổi, Đảng lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Dân tộc Việt Nam giành lại độc lập sau gần 100 trăm năm bị thực dân Pháp xâm lược. Nhân dân từ thân phận của người nô lệ trở thành người làm chủ. Cùng với Liên Xô và các nước Đồng Minh, Đảng góp phần quan trọng vào việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, lập lại hòa bình thế giới. Thắng lợi đó khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hiện thực.

1.2. Lãnh đạo công cuộc xây dựng, bảo vệ chính quyền, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ 1945 - 1975

Giành được độc lập, đất nước lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, bị giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đe dọa. Hai mươi vạn quân Tưởng, chủ trương “diệt cộng cầm Hồ”, cùng với đảng Việt Quốc, Việt cách về chống phá. Được quân Anh tiếp tay, ngày 23/09/1945, thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam. Gần tám vạn quân đội Nhật nổi dậy chống phá chính quyền. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, tiêu điều xơ xác. Hơn 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Ngân sách quốc gia trống rỗng. Hơn 90% dân số bị mù chữ, cùng với nhiều tệ nạn xã hội. Chưa có nước nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Tổ Quốc lâm nguy!

Công cuộc xây dựng, bảo vệ chính quyền do Đảng lãnh đạo tiến hành rất khẩn trương. Ngày 03/09/1945, Chính phủ Cách mạng lâm thời họp, nêu sáu nhiệm vụ cấp bách. Ngày 25/11/1945, Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”, xác định nhiệm vụ chiến lược, nhiệm vụ trước mắt, kẻ thù chủ yếu, lực lượng cách mạng, khẩu hiệu đấu tranh. Thực hiện chủ trương

đó, Đảng tập trung lãnh đạo cứu đói, cuối năm 1946, nạn đói cơ bản bị đẩy lùi. Nhằm xóa nạn mù chữ cho nhân dân, Đảng chỉ đạo khai giảng năm học mới ngày 05/09/1945, phát động phong trào “Bình dân học vụ”, với phương châm người biết nhiều dạy người biết ít, người biết ít dạy người không biết gì. Cuối năm 1946, có hơn 2,5 triệu người biết chữ. Ngày 06/01/1946, tổ chức bầu cử Quốc hội khóa I, bầu được 333 đại biểu. Chính phủ chính thức gồm 10 bộ, chính quyền các cấp, hội đồng nhân dân các cấp, quân đội, công an, tòa án, viện kiểm sát được thành lập. Kỳ họp ngày 02/03/1946, Quốc hội thông qua bản Hiến Pháp đầu tiên của Nước nhà. Với sách lược “hòa Tưởng đánh Pháp”, “hòa Pháp đuổi Tưởng”, Đảng phân hóa, cô lập được kẻ thù, giữ vững hòa bình. Sau hơn 1 năm, đất nước ra khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến thần thánh.

Vừa ra khỏi tình thế nước sôi lửa bỏng, cuối năm 1946, thực dân Pháp bội ước, ngang nhiên đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hà Nội... Đảng và Chính phủ tìm mọi cách ngăn chặn, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng sang Pháp đàm phán nhưng không thành công. Không còn cách nào khác, để giữ vững độc lập, chính quyền, Đảng phải lãnh đạo nhân dân Việt Nam vùng lên kháng chiến. Đêm 19/12/1946, Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”. Cùng với Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” ngày 12/12/1946 của Trung ương Đảng, tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của đồng chí Trường Chinh tháng 9/1947, Đảng đã xây dựng và hoàn thiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đường lối đó thu hút mọi người Việt Nam yêu nước đi kháng chiến, tạo nên cuộc chiến tranh nhân dân độc đáo, trở thành nỗi kinh hoàng đối với kẻ thù, để lại nhiều tấm gương hiên hách như La Văn Cầu, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn. Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 07/05/1954 kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trên mặt trận quân sự. Ngày 21/07/1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Theo đó, Việt Nam tạm thời bị chia thành 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời. Thời hạn tổng tuyển cử thống nhất đất nước diễn ra vào tháng 07/1956.

Dường như, lịch sử tiếp tục thử thách Đảng. Đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu độc chiếm miền Nam, biến miền Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa thực dân kiểu mới. Đảng lại bước vào lãnh đạo nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đường lối chống Mỹ được hoạch

định khẩn trương, rất thận trọng. Ngay từ tháng 07/1954, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa II phân tích tình hình, chỉ ra kẻ thù chính là đế quốc Mỹ. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15, tháng 01/1959, quyết định dùng phương pháp bạo lực cách mạng chống Mỹ, mở đường “về Nam”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, tháng 09/1960 thông qua đường lối tiến hành đồng thời 2 chiến lược cách mạng. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam chống Mỹ và tay sai, cùng thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước.

Miền Bắc dốc sức chi viện cho miền Nam, với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”... Hàng triệu người miền Bắc lên đường vào miền Nam chiến đấu. Nguyễn Văn Thạc hy sinh khi “mãi mãi tuổi hai mươi”. Bác sĩ Đặng Thùy Trâm để lại những trang nhật ký mà khi đọc, kẻ thù phải thốt lên “đừng đốt bởi trong đó đã có lửa rồi”. Ở miền Nam, nhân dân gan góc chống lại quốc sách “tố cộng, diệt cộng”, “luật 10/59”, “chiến tranh đặc biệt”, kiên quyết bám đất, bám làng. Phong trào Đồng khởi năm 1960 bùng nổ, giải phóng 2/3 diện tích trên toàn miền. Cuối năm 1964, 85% ấp chiến lược bị phá vỡ. Những thắng lợi đó, buộc Mỹ phải thay đổi kế hoạch, chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ vào miền Nam trực tiếp xâm lược, điên cuồng mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 tháng 03/1965, lần thứ 12 tháng 12/1965, Đảng nêu cao khẩu hiệu, quyết tâm đánh và thắng Mỹ. Miền Bắc đánh bại 2 cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, lập nên trận Điện Biên Phủ trên không từ 18 đến 30/12/1972. Nhân dân miền Nam liên tiếp đánh bại các cuộc hành quân càn quét của quân Mỹ. Thắng lợi của nhân dân hai miền Nam Bắc, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari ngày 27/01/1973. Khi sự chuẩn bị chín muồi, Đảng quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, với chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh, theo tư tưởng chỉ đạo “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Ngày 30/04/1975, chính quyền Sài Gòn sụp đổ, miền Nam được giải phóng, nhân dân vỡ òa trong niềm hạnh phúc.

Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ là thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, mà Đảng Cộng sản Việt Nam là linh hồn, trụ cột, tạo nền tảng cho việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, thắng lợi này còn góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới, đưa đến sự toàn thắng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

1.3. Lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước

Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ, nhưng về Nhà nước chưa được thống nhất. Mỗi miền tồn tại một hình thức chính quyền khác nhau. Miền Bắc cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội, miền Nam là Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Yêu cầu cấp bách đặt ra là Đảng phải lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Tháng 11/1975, Hội nghị Hiệp thương giữa hai miền Nam Bắc diễn ra thành công tại Dinh Độc lập. Tháng 04/1976, cuộc Tổng tuyển cử của nước Việt Nam thống nhất thành công, bầu được Quốc hội chung, với 492 đại biểu. Kỳ họp đầu tiên tháng 06 và 07/1976, Quốc hội đặt tên nước là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, định quốc kỳ, quốc ca, Thủ đô là Hà Nội. Công cuộc thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước hoàn thành, đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Một bước ngoặt lịch sử diễn ra với Đảng, khi lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh gặp muôn vàn khó khăn, thách thức mới. Trên thế giới, chủ nghĩa xã hội bắt đầu tri trệ, khủng hoảng, nguồn viện trợ cho Việt Nam bị cắt giảm. Các thế lực thù địch không ngừng chống phá bằng những thủ đoạn mới, tinh vi với “diễn biến hòa bình”, sử dụng chiến tranh không tiếng súng để giành giật trái tim, khối óc con người. Cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam do Pôn-pốt gây ra ngay tháng 05/1975, gây tổn thất nghiêm trọng. Lại thêm cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, do 60 vạn quân đội thường trực Trung Quốc tiến vào. Đất nước ngổn ngang vết thương chiến tranh. Lệnh cấm vận thương mại của Mỹ áp đặt ngay ngày 30/04/1975, làm cho khó khăn càng nghiêm trọng. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp có nhiều bất cập, đang ngăn cản sự phát triển của đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ IV, tháng 12/1976 quyết định đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, với phương hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý. Đại hội Đảng lần thứ V, tháng 03/1982, có bước điều chỉnh mới, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng phát triển vừa sức, chủ yếu phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp tiếp tục được duy trì. Sau 10 năm thực hiện đường lối Đại hội IV, V đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội. Sản xuất lương thực không đủ nhu cầu đời sống nhân dân. Hàng tiêu dùng thiết yếu thiếu trầm

trọng. Nhiều tệ nạn xã hội nguy hiểm xuất hiện. Hàng nghìn người Việt Nam vượt biên ra nước ngoài. Nạn trấn lột diễn ra trắng trợn giữa ban ngày. Tệ mê tín dị đoan, lừa đảo, quan liêu, cửa quyền, hách dịch, hà hiếp nhân dân của một bộ phận cán bộ đảng, viên diễn ra phổ biến. Đất nước đứng bên bờ vực thẳm của sự sụp đổ. Niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bị giảm sút.

Tại Đại hội lần thứ VI, tháng 12/1986, Đảng nhìn thẳng vào sự thật, chỉ ra sai lầm, hạn chế của mình, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp bị xóa bỏ, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp hóa vẫn được xác định là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước mắt tập trung vào 3 chương trình kinh tế lớn. Chủ trương thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [8, tr.49]. Đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, nhằm bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Chủ trương xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, là phát huy vai trò của nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc. Đường lối của Đại hội VI đặt nền tảng cho việc xây dựng và hoàn thiện con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới, được các Đại hội lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII của Đảng tiếp tục phát triển, bổ sung.

Tiến hành đổi mới chưa được bao lâu, Đảng lại đứng trước thử thách nghiêm trọng. Công cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa càng làm cho khủng hoảng trầm trọng hơn, dẫn đến sụp đổ và tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu. Lịch sử đòi hỏi Đảng phải có câu trả lời dứt khoát về con đường đi lên của đất nước trước cơn chấn động đó. Đại hội Đảng lần thứ VII, tháng 6/1991, khẳng định quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội đề ra là tuyên bố dứt khoát của Đảng và nhân dân Việt Nam về con đường phát triển đất nước. Khi ra khỏi khủng hoảng về kinh tế xã hội, Đại hội Đảng lần thứ VIII, tháng 6/1996 đưa đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội Đảng lần thứ IX, tháng 04/2001, đưa ra mô hình kinh tế tổng quát “xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội X tháng 01/2006 sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh xây dựng đất nước tại Đại hội VII. Đại hội lần thứ XII chú trọng công tác xây dựng Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Hơn 30 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực. Từ chỗ khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội, lương thực không đủ nhu cầu đời sống nhân dân, tiến đến đứng hàng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu lương thực (7 triệu tấn/năm). Tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi, không còn nạn vượt biên trái phép, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân lành mạnh hơn. Việt Nam được ghi nhận là một trong bảy quốc gia hòa bình, ổn định nhất trong khu vực và trên thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những đảng chính trị nắm vai trò lãnh đạo đất nước tốt nhất trên thế giới. Quan hệ ngoại giao rộng mở, bình thường hóa với Trung Quốc, Hoa Kỳ, phá được thế bao vây, cấm vận, có quan hệ với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, gia nhập ASEAN, WTO, WHO, ILO..., tham gia giải quyết nhiều vấn đề mang tính toàn cầu, như gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc, chống biến đổi khí hậu, chống khủng bố, ngăn chặn thành công dịch SARD... Đặc biệt, Việt Nam hai lần được bầu vào ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc, với tuyệt đối số phiếu ủng hộ lần thứ 2. Những thành tựu đó làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt, vị thế của đất nước, là kỳ tích trong lịch sử - những điều trước đây dân tộc chưa bao giờ đạt được, góp phần làm sáng tỏ bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, khẳng định sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không phù hợp, chứ không phải sự sụp đổ từ bản chất chế độ.

Những ngày tháng này, cả dân tộc đang hướng tới Đại hội XIII của Đảng với niềm tin, mong đợi mới. Các Dự thảo văn kiện trình Đại hội đang được lấy ý kiến rộng rãi trong Đảng và các tầng lớp nhân dân. Trước diễn biến phức tạp của dịch covid 19, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng viết thư kêu gọi nhân dân chống dịch, Thủ tướng Chỉ đạo “chống dịch như chống giặc”, thực hiện cách ly xã hội, được nhân dân đồng tình, nghiêm túc thực hiện, thế giới đánh giá cao.

2. Một số nhận xét, đánh giá

Thứ nhất, Đảng luôn tiên phong, đi đầu trong mọi hoàn cảnh, xứng đáng là đội tiên

phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng bước ngay vào phong trào đấu tranh oanh liệt nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01/05/1930. Khi loài người đứng trước nguy cơ chiến tranh của chủ nghĩa phát xít, Đảng phát động phong trào dân chủ 1936 - 1939, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Đảng vừa kiên quyết, vừa khôn khéo, mềm dẻo lãnh đạo nhân dân diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Giữa lúc cuộc xung đột Việt Pháp ngày càng căng thẳng, Hà Nội được ví như thùng thuốc súng, ngày 31/05/1946, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, liền ngang sang Pháp, đi đến tận sào huyệt của kẻ thù để đàm phán. Luật 10/59 của Mỹ lê máy chém đi khắp miền Nam, Đảng vẫn gan góc đương đầu, bị sát hại đến 9/10 đảng viên ở miền Nam, vẫn không nhụt chí. Đối mặt với khủng hoảng kinh tế xã hội những năm 80, Đảng dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, không né tránh, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Trước tác động của dịch covid-19, Đảng quyết định tạm gác lợi ích kinh tế, thực hiện cách ly xã hội, ngăn chặn dịch lây lan nhằm bảo đảm tính mạng của nhân dân. Ngày nay, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, đòi hỏi Đảng phải luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong mọi hoạt động. Có như vậy Đảng mới làm tấm gương, chỗ dựa để nhân dân tin tưởng, đi theo.

Thứ hai, đường lối lãnh đạo dẫn của Đảng là nhân tố hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam thắng lợi. Cương lĩnh chính trị đầu tiên đặt nền tảng cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong chín mươi năm qua. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Hội nghị toàn quốc của Đảng dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” đưa đến thắng lợi của cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền năm 1945 - 1946. Đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính là nguyên nhân đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chiến lược tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng ở Đại hội III là nhân tố đưa đến thắng lợi của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đường lối đổi mới toàn diện đất nước ở Đại hội VI đưa đến thắng lợi bước đầu của sự nghiệp Đổi mới. Ngày nay, Đảng phải luôn tập trung trí tuệ của mình, kết hợp với trí tuệ của nhân dân để hoạch định đường lối, đáp ứng với thực tiễn đất nước và thế giới. Đó là nền tảng

bảo đảm cho sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ ba, Đảng xây dựng được đội ngũ đảng viên trung kiên, bất khuất, sẵn sàng xả thân vì dân, vì nước. Đó là những người cộng sản cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, giàu lòng yêu nước, thương dân. Là tổ chức lãnh đạo nên đảng viên luôn là mũi nhọn tiến công của kẻ thù, bị lòng sực bất bớ, giam cầm, tra tấn vô cùng tàn bạo, nhưng luôn giữ vững khí tiết của người cộng sản. Trần Phú trước khi hy sinh còn dặn lại “các đồng chí hãy giữ vững chí khí chiến đấu”. Lê Hồng Phong bị địch đánh máu ngập bát cơm vẫn ung dung đáp trả kẻ thù. Hoàng Văn Thụ khảng khái tuyên chiến trước họng súng của kẻ thù. Chỉ biết rằng cuối cùng chúng tôi sẽ chiến thắng”. Không có Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo, trận Điện Biên Phủ chưa biết khi nào mới bắt đầu vì pháo rơi xuống vực, vừa tống pháo, vừa phải kéo khẩu pháo mới từ đầu. Không có Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, đồng đội không thể xông lên vì súng địch bắn xối xả. Võ Thị Sáu trên đường ra pháp trường còn “đầu ngẩng cao bất khuất”. Chị Út Tịch đánh địch đến “còn cái lai quần cũng đánh”. Nguyễn Viết Xuân, trước khi chết còn hô “nhằm thẳng quân thù mà bắn”. Nguyễn Văn Trỗi, trước họng súng của kẻ thù còn căn dặn “hãy nhớ lấy lời tôi”. Trần Thị Lý bị “điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung” vẫn kiên quyết không khai. Trong điều kiện hiện nay, Đảng phải làm cho đảng viên biết giữ vững và tăng cường phẩm chất của người cộng sản, chú trọng đức tính cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Cần cù trong học tập, lao động, công tác, mang lại cho họ kiến thức, chuyên môn, biết quý trọng giá trị của mình và của người khác, sẽ không sa vào nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

Thứ tư, Đảng luôn nhạy bén, sáng tạo trước mọi hoàn cảnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước vận mệnh của dân tộc, không lúng túng, do dự. Khi Nhật đảo chính Pháp đêm 09/03/1945, Đảng họp, ra chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngay ngày 12/03/1945, phát động cao trào kháng Nhật cứu nước. Biết tin Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước đồng minh, Đảng chớp thời cơ, họp Hội nghị toàn quốc, phát động Tổng khởi nghĩa ngay đêm 13/08/1945, trước khi quân đồng minh vào Đông Dương. Đất nước bị chia cắt, Đảng dứt khoát đề ra đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, khi chưa có trong tiền lệ. Đứng trước khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, các nước cải tổ, cải cách không thành công,

Đảng quyết tâm đổi mới. Khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ năm 1991, Cương lĩnh của Đại hội VII khẳng định dứt khoát con đường phát triển của Việt Nam. Ngày nay, thế giới có nhiều biến động từ kinh tế, đến chính trị, văn hóa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng bố... đòi hỏi Đảng phải làm tốt công tác dự báo, nắm bắt tình hình. Giải quyết vấn đề của riêng mình hay thế giới, Đảng phải kịp thời, nhạy bén, thái độ dứt khoát, bản lĩnh kiên định, không do dự, mất lập trường, hoặc phụ thuộc vào bất cứ thế lực nào.

Thứ năm, Đảng luôn biết dựa vào nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của nhân dân, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin tưởng, che chở, ủng hộ. Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, từ nam nữ thanh niên, đến cụ già, em nhỏ, phụ nữ, người tàn tật, đi theo Đảng như một mệnh lệnh tối cao của dân tộc. Việc đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu ở Hội nghị Trung ương 8, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, nên nhân dân hăng hái tham gia Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Khi Hồ Chí Minh kêu gọi “đem sức ta mà giải phóng cho ta, chúng ta hãy tiến lên, mau tiến lên” [11, tr.596], nhân dân vùng lên làm cuộc cách mạng long trời lở đất, giành được độc lập, chính quyền. Trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Hồ Chí Minh nói “đất nước được độc lập mà dân không được hưởng tự do và hạnh phúc thì độc lập không có ý nghĩa gì”, Đảng chú trọng cứu đói, mở trường lớp cho nhân dân học hành..., làm cho nhân dân thấy chưa bao giờ họ được quan tâm, chăm lo như vậy, đoàn kết che chở cho Đảng, cùng Đảng vượt qua. Chuẩn bị cho Điện Biên Phủ, kéo pháo vào trận địa, rồi lại kéo pháo ra theo phương châm mới, Đảng huy động được lực lượng của toàn dân, với “năm mươi sáu ngày đêm khoét núi ngủ hầm mưa dầm, cơm vắt/máu trộn bùn non gan không núng chí không mòn”. Quyết định mở đường 559 “về Nam” đánh Mỹ, với muôn nghìn khó khăn, thử thách nhưng Đảng luôn được nhân dân đồng hành, bởi đó là thực hiện nguyện vọng thiêng liêng về ngày thống nhất đất nước. Bước vào sự nghiệp đổi mới, Đảng rút ngay bài học “trong tất cả hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc”. Sự nghiệp đổi mới tưởng chừng như không thể, nhưng khoán 10 trong nông nghiệp làm cho người dân gắn bó với đồng ruộng, tạo nên động lực vĩ đại thúc đẩy sản xuất. Trong mọi thắng lợi của Đảng, luôn có sự đồng hành, hiện diện của nhân dân. Ngày nay, Đảng

phải coi nhân dân như báu vật, chăm lo lợi ích chính đáng cho nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, luôn được sống trong sự tin yêu, che chở, ủng hộ của nhân dân, Đảng sẽ vượt qua mọi thử thách.

Thứ sáu, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng nhiều lần mắc sai lầm, nhưng đều biết khắc phục, sửa chữa, với tinh thần cầu thị, thẳng thắn, vì lợi ích chung của dân tộc. Luận cương có nhiều nội dung không phù hợp, làm cho cách mạng thoái trào từ năm 1932 - 1935. Đảng không bảo thủ, liên tục khắc phục bằng Chương trình hành động tháng 06/1932, hội nghị 6, 7, 8, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Cải cách ruộng đất ở miền Bắc từ năm 1955 - 1957 có hạn chế. Hội nghị Trung ương 10 khóa II nghiêm túc kiểm điểm, Hồ Chí Minh nhận lỗi trước toàn Đảng, toàn dân, Tổng Bí thư Trường Chinh xin từ chức. Đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, chưa coi trọng nông nghiệp từ năm 1960 đến năm 1986, kết hợp với việc duy trì quá lâu cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, làm cho đất nước khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội những năm 80. Đảng thẳng thắn nhìn vào sự thật, phê phán sai lầm của mình, sửa sai bằng việc khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Hình ảnh tất cả đảng viên dự Đại hội VI đứng lên thể hiện ý chí, quyết tâm đổi mới, là biểu tượng lột tả bản lĩnh và sự thẳng thắn của Đảng. Ngày nay, trong sự nghiệp lãnh đạo, toàn Đảng cho đến từng đảng bộ, chi bộ, đảng viên phải thường xuyên kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, kịp thời phát hiện, khắc phục sai lầm, sẽ là việc làm quan trọng đưa đến thành công của Đảng.

Thứ bảy, thành công của Đảng trong chín mươi năm qua luôn có sự ủng hộ và giúp đỡ của cách mạng thế giới. Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhận được sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước đồng minh. Họ đã tiêu diệt phát xít Nhật - kẻ thù đang thống trị Việt Nam, giúp Cách mạng tháng Tám diễn ra nhanh gọn và ít đổ máu. Thắng lợi của chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954 gắn liền với sự giúp đỡ của nhân Pháp tiến bộ, phong trào giải phóng dân tộc, Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa. Hai mươi mốt năm chống Mỹ, sự giúp đỡ của cách mạng thế giới cho Việt Nam lên đến đỉnh cao. Liên tục các đoàn chuyên gia của Liên Xô sang Việt Nam giúp đỡ bộ đội sử dụng vũ khí. Nhân dân Mỹ tiến bộ đóng cửa trường học, biểu tình rầm rộ trên đường phố, tràn ra sân bay, bến cảng quyết liệt phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ miền Bắc cho đến cả nước, Đảng luôn nhận được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả khi họ khủng hoảng. Công trình thủy điện Hòa Bình, cầu Thăng Long, khai thác dầu khí ở Vũng Tàu là biểu tượng bền vững của tình hữu nghị Việt - Xô. Khi đổi mới, Việt Nam phá được thế bao vây, cấm vận, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, Hoa Kỳ, tham gia nhiều tổ chức khu vực, thế giới... là kết quả của sự giúp đỡ và hợp tác quốc tế. Ngày nay, Đảng phải luôn chú trọng thực hiện đoàn kết quốc tế, đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ biện chứng với cách mạng thế giới, gắn lợi ích chính đáng của dân tộc với lợi ích của cộng đồng quốc tế. Đây là cơ hội để vừa tranh thủ sự ủng hộ, tiếp thu thành tựu của loài người, vừa đóng góp trách nhiệm của Việt Nam với thế giới.

Chín mươi năm qua, với những thăng trầm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã vượt lên mọi biến cố của lịch sử, vượt lên hạn chế của chính mình, đưa dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam không chỉ có ý nghĩa dân tộc mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc. Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta có quyền tự hào nói rằng, Đảng ta thật là vĩ đại. Lịch sử 90 năm qua của Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng. Hãy cùng ghi nhận và trân trọng những cống hiến của Đảng đối với dân tộc và thời đại, thẳng thắn chỉ ra sai lầm khuyết điểm của Đảng, chung tay xây dựng Đảng thật vững mạnh, làm cho Đảng luôn trở thành trụ cột của cách mạng, tiếp tục lãnh đạo dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường đã lựa chọn. Nhìn về quá khứ, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam nhất định sẽ đạt được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng xuất bản, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007). *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t.7; t.8; t.17; t.20; t.21; t.51.
4. Lê Mậu Hãn (chủ biên, 2001). *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. Đinh Xuân Lâm (chủ biên, 2001). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh: *Toán tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.